



Tháng
6/2024

I/ Tình hình thị trường tháng 5/2024:

1) Tổng quan thị trường:

Thị trường Pakistan trong tháng 5/2024 nổi bật với sản xuất công nghiệp giảm, sản xuất nông nghiệp tăng, xuất khẩu tăng, nhập khẩu tăng. Đồng Rupit tăng giá nhẹ.

Tháng 5/2024 sản xuất công nghiệp tăng 7,33% so với cùng kỳ năm trước và giảm 7,52% so với tháng 4/2024.

Tháng 5/2024 đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 270 triệu USD, giảm 24,6% so với tháng 4/2024. Dự trữ ngoại hối đạt 13,6 tỷ USD, giảm 0,7%. Kiều hối đạt 3,2 tỷ USD, tăng 14,3%. Lạm phát 11,8%, giảm 31,7%.

Đồng rupit tăng giá nhẹ 0,04%. Tỷ giá USD/Rupit tháng 5/2024 là 1 USD = 278,25 ru-pi.

Xuất khẩu tháng 5/2024 đạt 2,4 tỷ USD, tăng 29,3% so với cùng kỳ năm trước. Từ tháng 7/2023-5/2024 xuất khẩu đạt 28,7 tỷ USD, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước.

Nhập khẩu tháng 5/2024 đạt 4,9 tỷ USD, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm trước. Từ tháng 7/2023-5/2024 nhập khẩu đạt 48,4 tỷ USD, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước.

Tháng 5/2024 xuất khẩu của Việt Nam sang Pakistan đạt 37.344.183 USD, tăng 4,3% so với tháng trước. 5 tháng năm 2024 xuất khẩu của Việt Nam sang Pakistan đạt 168.620.206 USD, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm trước.

Tháng 5/2024 nhập khẩu của Việt Nam từ Pakistan đạt 21.769.786 USD, tăng 15,5% so với tháng trước. 5 tháng năm 2024 nhập khẩu của Việt Nam từ Pakistan đạt 155.936.985 USD, tăng 57,6% so với cùng kỳ năm trước.

2) Chi tiết thị trường:

Tháng 5/2024 sản xuất dệt may tăng 7,81%, than và xăng dầu tăng 17,17%, dược phẩm giảm 2,31%, điện tử giảm 13,07, khoáng sản phi kim loại giảm 8,10%, sắt thép giảm 13,77%, thực phẩm giảm 0,91%, giấy giảm 0,63%, ô tô tăng 42,85%, hóa chất giảm 2,86%, cao su giảm 14,74%, gỗ tăng 11,13%, thuốc lá tăng 25,56%, thiết bị vận tải tăng 16,38%.

Từ tháng 7/2023-5/2024 xuất khẩu nông sản đạt 6,8 tỷ USD, tăng 46,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu gạo đạt 5,593 nghìn tấn trị giá 3,6 tỷ USD tăng 59% về lượng và tăng 46,4% về trị giá; xuất khẩu dệt may đạt 15,2 tỷ USD, giảm 1,4%; xuất khẩu dầu và than đạt 324 triệu USD, tăng 48,2%; xuất khẩu hàng công nghiệp đạt 3,7 tỷ USD, tăng 3,5%.

Từ tháng 7/2023-5/2024 nhập khẩu lương thực thực phẩm đạt 7,4 tỷ USD, giảm 12,1%; nhập khẩu máy móc đạt 7,6 tỷ USD, tăng 40,8%; nhập khẩu phương tiện vận tải đạt 1,6 tỷ USD, giảm 5,5%; nhập khẩu xăng dầu đạt 15, tỷ USD, giảm 0,3%; nhập khẩu dệt may đạt 2,4 tỷ USD, giảm 31,7%; nhập khẩu hóa chất đạt 7,8 tỷ USD, giảm 4,7%; nhập khẩu sắt thép kim loại màu đạt 3,9 tỷ USD, giảm 2,4%.

Các mặt hàng xuất nhập khẩu Việt Nam-Pakistan 5 tháng năm 2024

STT	Mặt hàng	VNXK (USD)	STT	Mặt hàng	VNNK (USD)
1	Chè	23.436.892	1	Vải các loại	21.559.902
2	Xơ, sợi dệt các loại	30.533.301	2	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	13.175.834
3	Hạt tiêu	13.197.409	3	Xơ, sợi dệt các loại	3.625.299
4	Sắt thép các loại	165.504	4	Dược phẩm	4.409.684
5	Hàng thủy sản	2.012.536	5	Bông các loại	9.113.191
6	Cao su	4.214.796	6	Hàng hóa khác	104.053.075
7	Hạt điều	664.982			
8	Sản và các sản phẩm từ sản	60.095			
9	Sản phẩm hóa chất	4.401.184			
10	Sản phẩm sắt thép	316.864			
11	Điện thoại và linh kiện	51.374.634			
12	Máy móc thiết bị	2.954.744			
13	Phương tiện vận tải	2.156.806			
14	Hàng hóa khác	33.130.459			
	Tổng cộng:	168.620.206		Tổng cộng:	155.936.985

II/ Cảnh báo phòng vệ thương mại, biến động thị trường, các thay đổi về chính sách kinh tế, thương mại:

Bộ trưởng tài chính Pakistan Muhammad Aurangzeb thay mặt chính phủ Pakistan trình bày dự luật ngân sách Pakistan 2024-2025. Theo dự luật thu ngân sách tăng 30% so với năm 2023-2024 và dựa trên dự báo tăng trưởng GDP đạt 3,6% với bội chi ngân sách ở mức 6,9% GDP. Bộ trưởng tài chính cho biết cần phải thay đổi mạnh chính sách thuế hiện nay để mở rộng phạm vi thu thuế. Với mức thu thuế chỉ đạt 9,5% GDP như hiện nay của Pakistan thì không nước nào có thể tránh khỏi phụ thuộc vào nước ngoài. Chính phủ Pakistan sẽ phấn đấu nâng mức thu thuế lên 13% GDP trong vòng 3 năm tới. Theo dự luật ngân sách mới lương của công chức sẽ được tăng 20-25%.

Pakistan được mùa lúa với sản lượng đạt 9 triệu tấn và đã xuất khẩu được 6 triệu tấn gạo với kim ngạch 3,6 tỷ USD. Dự kiến tổng kim ngạch sẽ đạt 4 tỷ USD trong năm nay. Thị trường chính của Pakistan là Indonesia, Afghanistan, Malaysia, United Arab Emirates, Kenya, United Kingdom, Saudi Arabia, Belgium, Italy, Philippines... Pakistan bắt đầu xuất khẩu gạo nâu sang châu Âu và đã xuất được 500 nghìn tấn.

Theo báo cáo của Ủy ban điều phối kế hoạch năm (APCC) của Pakistan tăng trưởng GDP của Pakistan trong năm tài chính 2024-2025 dự kiến đạt 3,6% với công nghiệp đạt 4,4%, nông nghiệp đạt 2%, dịch vụ đạt 4,1%. Tỷ lệ đầu tư so với GDP đạt 14,2%. Tích lũy quốc gia đạt mục tiêu đạt 13,3% GDP. Thâm hụt ngân sách dự kiến giảm xuống 12% GDP. Năm 2023-2024 tăng trưởng GDP của Pakistan đạt 2,4% nhờ nông nghiệp là động lực chính với tăng trưởng đạt 6,3% nhờ vào vụ mùa bội thu của lúa mỳ, bông và gạo. Công nghiệp tăng trưởng 1,2%, dịch vụ 1,2%. Thu ngân sách tăng 41%, cao hơn mức tăng chi ngân sách là 36,6%. Tỷ lệ đầu tư so với GDP đạt 13,1%. Lạm phát 26%.

Ngày 29/05/2024 tại Phnom Penh Bộ trưởng thương mại Cam-pu-chia Cham Nimul và Đại sứ Pakistan tại Căm-pu-chia đã ký biên bản ghi nhớ thành lập Ủy ban thương mại hỗn hợp Căm-pu-chia-Pakistan nhằm thúc đẩy thương mại và đầu tư giữa hai nước.

III/ Dự báo tình hình thị trường tháng 6/2024:

Sản xuất công nghiệp giảm, sản xuất nông nghiệp tăng. Xuất khẩu tăng, nhập khẩu tăng. Đồng rupi tăng giá.

IV/ Thông báo:

1/ Tìm người bán:

Nhu cầu: Cashew Nuts

Địa chỉ liên hệ:

Sharfuddin Paracha & Company

Mr. H.M. Zeeshan Paracha-Director

Cell/WhatsApp: +92 321 252 5007

E-mail: ze3shan@gmail.com

2/ Tìm người mua:

Sản phẩm: Yellow Corn

Địa chỉ liên hệ:

Mr. Farhan Hamid Garib-Director

Garibsons (Pvt) Ltd

Cell/WhatsApp: +92 300 8206648

Email: travel@fhgarib.com

VI/ Thông tin chuyên đề:

Xuất khẩu ngô của Pakistan năm 2023

Importer	HS Code	Value (USD)	Quantity (kg)
World	1005	\$345,522,702	1,504,232,000
Viet Nam	1005	\$174,029,859	752,105,000
Malaysia	1005	\$63,248,004	268,966,000
Sri Lanka	1005	\$42,210,504	167,025,000
Oman	1005	\$14,710,247	62,580,000
Afghanistan	1005	\$3,974,413	61,289,000
Philippines	1005	\$12,540,376	48,593,000
Yemen	1005	\$6,088,055	24,239,000
Qatar	1005	\$5,416,652	20,670,000
United Arab Emirates	1005	\$3,793,858	17,909,000
Bahrain	1005	\$5,232,323	17,157,000
Bangladesh	1005	\$4,342,126	16,868,000
China, Hong Kong SAR	1005	\$3,300,869	12,881,000
Somalia	1005	\$1,946,831	7,589,000
Kazakhstan	1005	\$475,387	7,209,000
Indonesia	1005	\$1,771,908	5,879,000